

Bản án số: 47/2021/HS-PT

Ngày 10-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Be.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang;

Ông Phạm Văn Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc – Kiểm sát Viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 03/2021/TLPT-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo Trịnh Văn T (tên gọi khác: T). Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 129/2020/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo: Trịnh Văn T (T), sinh ngày 1987 tại tỉnh Tây Ninh; hộ khẩu thường trú tại: Ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn R và bà Trịnh Thị Ánh N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Phạm Hồng T1, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02-2020, bị cáo T đến thuê trọ tại phòng số 02 và anh Phạm Hồng T1 thuê trọ phòng số 01, của nhà trọ PN, thuộc ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17-6-2020, sau khi đi uống rượu về đến phòng trọ, bị cáo nhìn thấy xe mô-tô hiệu Empire, biển số 70K9 – 0621, của anh T1 để trước phòng trọ số 2, có sẵn chìa khoá, không người trông giữ nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm đem bán có tiền tiêu xài. Bị cáo lén lút lấy xe của anh T1 chạy đi. Trên đường đi tiêu thụ xe, bị cáo ghé vào nhà cha ruột là ông Lê Văn R thuộc ấp L, xã Đ1, thị xã B1, tỉnh Tây Ninh. Sau đó, khi chuẩn bị điều khiển xe chạy đi thì ông R thấy bị cáo đã uống rượu nên không cho chạy xe mà nhờ người cháu tên Trần Huỳnh P chạy xe chở bị cáo về phòng trọ, còn xe mô-tô biển số 70K9 – 0621 để lại nhà của ông R.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, anh T1 về đến phòng phát hiện xe bị mất anh T1 xem lại camera thì thấy bị cáo là người lấy trộm xe nên trình báo công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 51/KL-HĐ ngày 26-6-2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G, kết luận: Xe mô-tô hiệu Empire, biển số 70K9 – 0621 trị giá 3.200.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Xe mô tô hiệu Empire biển số 70K9 – 0621, đã trả lại cho anh T1.

Về kê biên tài sản: Do bị cáo không có tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 129/2020/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T (T) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T (T) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020, bị cáo Trịnh Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm gửi qua dịch vụ bưu chính ngày 12-12-2021, xin được hưởng án treo.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, bị cáo Trịnh Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm gửi trực tiếp, kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T rút phần kháng cáo kêu oan, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử quy kết bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ xem xét cho bị cáo hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo T không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để có cơ hội nuôi cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Văn T xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại cấp sơ thẩm, bị cáo Trịnh Văn T khai nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17-6-2020, sau khi đi uống rượu về đến phòng trọ, nhìn thấy xe mô-tô hiệu Empire, biển số 70K9-0621, của anh T1 để trước phòng trọ số 2, có sẵn chìa khoá, không người trông giữ, bị cáo đã lén lút lấy trộm xe mô-tô của anh T1, có giá trị là 3.200.000 đồng để đem bán lấy tiền tiêu xài.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng sau khi uống rượu đã tự chạy xe của mình về phòng trọ, không phải anh P1 đưa về, do say rượu nên lấy nhầm xe của anh T1, không cố ý lấy trộm xe. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 20-8-2020 (BL 103), anh P1 khai sau khi uống rượu xong đã điều khiển xe Vision chở bị cáo về phòng trọ và chỉ nhìn thấy chiếc xe mô-tô Wave dựng trước cửa phòng; tại biên bản lấy lời khai ngày 17-6-2020 (BL 93-94), ông R khai bị cáo có nói với ông xe mô-tô biển kiểm soát 70K9 – 0621 là “*xe mượn chạy đi nhậu xong về trả*”, “*do xe bị hư nên mượn*” mà không khai thật về nguồn gốc của xe và xe mô-tô bị cáo chạy hiệu Dream, không giống xe Wave của anh T1. Bị cáo tự ý, lén lút lấy xe nhưng không có sự đồng ý của anh T1 là trái pháp luật. Ngoài ra, bị cáo không có chứng cứ chứng minh bị ép cung tại Cơ quan điều tra.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Về hình phạt bổ sung, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng do bị cáo không có tài sản và chưa có việc làm ổn định là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ mới, không thành khẩn khai báo nên không đủ điều kiện được áp dụng án treo

theo quy định tại khoản 3, 5 Điều 2 của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo T phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T (T) 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Be